

6. Ngành bưu điện thông tin liên lạc.
7. Ngành thương nghiệp, cung ứng vật tư và thu mua.
8. Các ngành sản xuất vật chất khác.
9. Ngành sự nghiệp nhà ở, phục vụ công cộng, phục vụ sinh hoạt và du lịch.
10. Ngành khoa học.
11. Ngành giáo dục và đào tạo.
12. Ngành văn hóa và nghệ thuật.
13. Ngành y tế, bảo hiểm xã hội, thể dục thể thao.
14. Ngành tài chính, tín dụng và bảo hiểm Nhà nước.
15. Ngành quản lý Nhà nước.
16. Các ngành không sản xuất vật chất khác.

Điều 2. — Căn cứ vào nghị định này, Tổng cục Thống kê quy định việc phân ngành kinh tế quốc dân chi tiết cấp II, cấp III và các bảng danh mục khác có liên quan.

Điều 3. — Nghị định này thay cho nghị định số 37-CP ngày 12-3-1974 và các quy định về phân ngành kinh tế quốc dân trước đây.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Điều 4. — Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm phối hợp với thủ trưởng các Bộ, các Ủy ban Nhà nước và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng để hướng dẫn thi hành nghị định này.

Điều 5. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng, các bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TÔ HỮU

**QUYẾT ĐỊNH số 195-HĐBT ngày 14-12-1982 về việc thực hiện chế độ quyết toán vật tư trong nền kinh tế quốc dân.**

### HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ vào nghị quyết số 15-HĐBT ngày 8-2-1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm; để khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý trong các khâu nhập, xuất, cung ứng, sử dụng và bảo quản vật tư; để nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc sử dụng vật tư tiết kiệm và có hiệu quả cao;

Theo đề nghị của tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê,

### QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc thành phần kinh tế quốc doanh và các thành phần kinh tế khác do trung ương [và địa phương quản lý được Nhà nước cung ứng vật tư, đều phải thực hiện chế độ quyết toán vật tư. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng (dưới đây gọi tắt là cấp Bộ) phải tổng hợp và báo cáo quyết toán vật tư của đơn vị cơ sở thuộc ngành quản lý. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương (dưới đây gọi tắt là cấp tỉnh) phải tổng hợp và báo cáo quyết toán vật tư của tất cả các đơn vị cơ sở thuộc phạm vi lãnh thổ của địa phương mình.

Điều 2. — Quyết toán vật tư là phải tổ chức tốt công tác hạch toán thống kê, kế toán thống kê, kế toán về nhập, xuất, sử dụng, tồn kho vật tư và xác định hiệu quả sử dụng vật tư trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Quyết toán vật tư phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

a) Sự hình thành nguồn vật tư.

b) Tổng số vật tư đã sử dụng và tổng số sản phẩm đã hoàn thành trong từng thời kỳ sản xuất, kinh doanh.

c) Tổng số vật tư còn lại sau một thời kỳ sản xuất kinh doanh.

d) Tổng số vật tư đã tiết kiệm (hay vượt chi) so với định mức.

Căn cứ chủ yếu để lập quyết toán vật tư là những chứng từ ghi chép ban đầu, sổ sách hạch toán và báo cáo thống kê kế toán về sử dụng vật tư và về các hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị cơ sở; ngoài ra còn phải căn cứ vào văn bản giao nhiệm vụ kế hoạch, các định mức kinh tế kỹ thuật và các hợp đồng kinh tế để xác định.

Thủ trưởng các cấp Bộ, tỉnh, các đơn vị sản xuất kinh doanh, có trách nhiệm chỉ đạo và thực hiện tốt chế độ ghi chép ban đầu, chế độ báo cáo thống kê kế toán nhằm bảo đảm cho việc lập quyết toán vật tư được chính xác, đầy đủ, kịp thời.

**Điều 3. — Báo cáo tổng hợp quyết toán vật tư lập theo 3 cấp và theo những quy định sau đây:**

a) Các đơn vị sản xuất, kinh doanh cơ sở một năm lập báo cáo 4 lần: quý I (gửi ngày 20 tháng 4), 6 tháng đầu năm (gửi ngày 20 tháng 7), 9 tháng (gửi ngày 20-10) và cả năm (gửi ngày 25-1 năm sau).

b) Các sở, ty địa phương và các liên hiệp xí nghiệp hoặc cấp tương đương do trung ương quản lý một năm lập báo cáo 2 lần vào 6 tháng đầu năm (gửi ngày 5-8) và cả năm (gửi ngày 10-2 năm sau).

c) Các cấp Bộ, tỉnh một năm lập báo cáo 2 lần vào 6 tháng đầu năm (gửi ngày 20-8) và cả năm (gửi ngày 25-2 năm sau).

Báo cáo tổng hợp quyết toán vật tư của cấp nào phải do thủ trưởng của cấp đó kiểm tra, duyệt và ký gửi:

— Cho cấp trên trực tiếp.

— Cho cơ quan thống kê Nhà nước cùng cấp.

— Cho cơ quan kế hoạch Nhà nước cùng cấp.

— Cho cơ quan cung cấp vật tư cùng cấp (trích phần do cơ quan này phụ trách).

Người duyệt ký báo cáo quyết toán vật tư phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Nhà nước về tính trung thực của số liệu.

**Điều 4. — Các cấp Bộ, tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt chế độ quyết toán vật tư trong nền kinh tế quốc dân.**

a) Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các cấp Bộ, tỉnh có trách nhiệm triển khai công tác định mức sử dụng vật tư theo nghị định số 201-CP ngày 26-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về công tác định mức kinh tế kỹ thuật. Trường hợp chưa có định mức chính thức thì thủ trưởng các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các Bộ, tỉnh phải căn cứ vào nội dung và tinh thần nghị định số 201-CP nói trên, phê chuẩn ngay các định mức tạm thời làm căn cứ tính toán các chỉ tiêu kế hoạch phân phối vật tư và kiểm tra sử dụng vật tư. Trong thời hạn không quá 6 tháng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ, các tỉnh, thành phố phải rà soát lại để xét duyệt và phê chuẩn thành các định mức chính thức.

b) Bộ Tài chính có trách nhiệm ban hành chế độ định mức vốn lưu động trong tất cả các ngành sản xuất kinh doanh và những quy định cụ thể về thưởng phạt trong việc tiết kiệm vật tư.

Bộ Tài chính có trách nhiệm cùng với Tổng cục Thống kê hoàn thiện chế độ hạch toán vật tư thống nhất.

c) Bộ Vật tư và các Bộ quản lý cung ứng vật tư Nhà nước khác có trách nhiệm ban hành các chế độ về cung ứng, sử dụng, tồn kho và chế độ kiểm tra đối với các loại vật tư do Bộ mình quản lý trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh.

d) Cơ quan tài chính có quyền phạt trừ, giảm mức trích lập các quỹ khen thưởng

và quỹ phúc lợi hàng quý và hàng năm đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh nếu không lập báo cáo quyết toán vật tư hoặc báo cáo quyết toán vật tư không được ngành thống kê Nhà nước xác nhận.

e) Tổng cục Thống kê có trách nhiệm ban hành và hoàn thiện những quy định về ghi chép ban đầu, báo cáo thống kê, phân loại sản phẩm... có liên quan đến công tác quyết toán vật tư.

Trên cơ sở thực hiện tập trung, thống nhất công tác quyết toán vật tư, hàng năm Tổng cục Thống kê phải lập báo cáo tổng quyết toán những loại vật tư chủ yếu trong toàn nền kinh tế quốc dân trình lên Hội đồng bộ trưởng và gửi cho các cơ quan có liên quan của Đảng và Nhà nước.

**Điều 5.**— Chế độ quyết toán vật tư thi hành kể từ kỳ quyết toán cả năm 1982. Tổng cục Thống kê chủ trì cùng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ Vật tư ban hành thông tư và biểu mẫu hướng dẫn thi hành quyết định này.

Thủ trưởng các đơn vị sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh những điều quy định, bảo đảm cho việc lập báo cáo quyết toán vật tư phục vụ tốt cho công tác quản lý kinh tế.

Thủ trưởng các cấp Bộ, tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra công tác quyết toán vật tư ở các đơn vị cơ sở thuộc quyền mình quản lý, đồng thời phải tổng hợp báo cáo quyết toán vật tư toàn ngành hoặc toàn vùng lãnh thổ địa phương như điều 1 đã quy định.

Mọi việc vi phạm chế độ quyết toán vật tư sẽ bị xử phạt theo các quy định hiện hành, trong trường hợp nghiêm trọng có thể bị truy tố trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

**NGHỊ ĐỊNH số 197-HĐBT ngày 14-12-1982 ban hành Điều lệ về nhãn hiệu hàng hóa.**

## HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 quy định nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm của bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước;

Theo đề nghị của chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước,

## NGHỊ ĐỊNH

**Điều 1.**— Nay ban hành kèm theo nghị định này bản Điều lệ về nhãn hiệu hàng hóa.

**Điều 2.**— Bản điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày công bố. Những quy định trước đây về thể lệ đăng ký và sử dụng nhãn hiệu hàng hóa dịch vụ trái với điều lệ này đều bãi bỏ.

Đối với những nhãn hiệu thương phẩm đã đăng ký theo nghị định số 175-TTg ngày 3-1-1958 của Thủ tướng Chính phủ và những nhãn hiệu chế tạo hay thương hiệu đã đăng ký ở miền nam Việt Nam trước ngày 30-4-1975 muốn tiếp tục được bảo hộ về pháp lý đều phải đăng ký theo quy định của điều lệ này.

**Điều 3.**— Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng, các bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU